

Bản án số: **464/2020/HSPT**
Ngày: 07/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông
Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên
Ông Phạm Thành Dương
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Huy Công – Thư ký Tòa án
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**
Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm đối với vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 335/2020/HSPT ngày 02/10/2020 đối với bị cáo Nguyễn Thu T, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP .B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 451/2020/HSST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị cáo bị kháng nghị:**

Nguyễn Thu T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 8 năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký thường trú: 28/85, khu phố 12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: 28/85, khu phố 12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 (còn sống) và bà Nguyễn Thị , sinh năm 1973 (còn sống). Bị cáo chưa có chồng, có 02 (hai) con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: Ngày 29 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13 tháng 4 năm 2019. Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 17 tháng 12 năm 2019.

(Trong vụ án còn có bị cáo Lê Đức T h, bị cáo Hồ Tuấn A nhưng không có kháng cáo hoặc bị kháng nghị)

Người bị hại:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1955;
Địa chỉ: D138, khu phố 7, phường T, TP. B, Đồng Nai.
2. Chị Nguyễn Thùy N, sinh năm 2006;
Người đại diện hợp pháp của bị hại: Nguyễn Như L
Cùng địa chỉ: C20, khu phố 9, phường T, TP.B, Đồng Nai.
3. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số 2166/1, KP. A, phường H, TP.B, Đồng Nai.
4. Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1962;
Địa chỉ: Số 46D/70, KP9, phường H, TP.B, tỉnh Đồng Nai.
5. Chị Bế Thị L, sinh năm 1999;
Địa chỉ: Số 176, khu phố 13, phường H, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số 28/85, khu phố 18, phường H, TP.B, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức Th là đối tượng nghiêm ma túy không nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài cá nhân Th cùng với Nguyễn Thu T và Hồ Tuấn A thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11 tháng 10 năm 2019, Lê Đức Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth, biển kiểm soát 60B1-979.08 chở theo Nguyễn Thu T ngồi phía sau, khi đi đến khu vực chợ “Bà Thức” thuộc khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Th và T phát hiện bà Trần Thị L, sinh năm 1955 đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 60F8-2005 đi phía trước trong túi áo có để một ví da màu hồng, Th ra hiệu cho T ngồi phía sau giật chiếc bóp trên, đồng thời điều khiển xe áp sát xe của bà L, T hiểu ý và đưa tay giật chiếc ví của bà L để trong túi, rồi nhanh chóng tẩu thoát, sau đó Th và T kiểm tra chiếc ví cướp giật được nhưng không có tài sản gì, nên đã vứt bỏ.

Tại biên bản họp định giá tài sản và bản kết luận luận định giá tài sản số 248/TCKH-HĐĐG ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng

hình sự thống nhất không định giá do tài sản chưa thu hồi, không rõ nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ.

Vụ thứ hai:

Khoảng 19 giờ ngày 01 tháng 11 năm 2019, Lê Đức Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 60F1-777.59, chở theo Nguyễn Thu T ngồi phía sau, khi đi đến khu vực nhà thờ “Thánh Tâm” đường khu dân cư thuộc tổ 12, khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Th phát hiện cháu Nguyễn Thùy N, sinh năm 2006 điều khiển xe đạp điện đi phía trước trên tay đang cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, Th ra hiệu cho T giật chiếc điện thoại của cháu N, đồng thời điều khiển xe áp sát để T dùng tay giật mạnh chiếc điện thoại của cháu N, rồi nhanh chóng tẩu thoát, sau đó Th và T mang chiếc điện thoại trên đi bán nhưng không nhớ bán ở đâu, bao nhiêu tiền.

Bản kết luận định giá tài sản số 201/TCKH-HĐĐG ngày 18/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đã kết luận 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus có trị giá 2.220.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16 tháng 11 năm 2019, Lê Đức Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 60F1-777.59, chở theo Hồ Tuấn A ngồi phía sau, khi đi đến đoạn đường hẻm thuộc tổ 59, khu phố 8, phường H, thành phố B, Tuấn A phát hiện bà Bùi Thị Kim T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 60F3-218.23 đi ngược chiều, trên cổ bà T có đeo một sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ, Tuấn A nói với Th giật sợi dây chuyền của bà T, Th đồng ý, Th điều khiển xe quay lại đuổi theo bà T và áp sát để Tuấn A ngồi phía sau dùng tay giật mạnh sợi dây chuyền trên cổ của bà T, rồi nhanh chóng tẩu thoát; Th mang sợi dây chuyền trên đi bán tại tiệm vàng “Kim Hồng Hoa” tại phường H, thành phố B được 2.000.000 đồng, số tiền có được Th và Tuấn A chia nhau tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 559/TCKH-HĐĐG ngày 04/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đã kết luận 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ có trị giá 9.369.000 đồng.

Vụ thứ tư:

Khoảng 10 giờ 30 ngày 15 tháng 12 năm 2019, Nguyễn Thu T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 60F1-777.59, chở Th đang đi trên đường dân sinh thuộc tổ 94, khu phố 13, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, T và T phát hiện chị Bé Thị L, sinh năm 1999 đang đi bộ phía trước trong túi quần sau có để một chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A207F, Th ra hiệu cho T

điều khiển xe áp sát vào người chị L, để Th giật chiếc điện thoại, T đồng ý, điều khiển xe áp sát vào người chị L, Th ngồi phía sau dùng tay giật chiếc điện thoại trong túi quần sau của chị L rồi T tăng ga tẩu thoát. Sau đó, Th và T đã mang chiếc điện thoại chiếm đoạt được đến khu vực trại bò thuộc phường L, thành phố B bán được 2.000.000 đồng, số tiền có được Th và T đã mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 637/TCKH-HĐĐG ngày 18/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đã kết luận 01 một chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A207F trị giá 3.705.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 451/2020/HSST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân TP.B đã tuyên xử:

Tuyên bố Nguyễn Thu T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo : Nguyễn Thu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo đồng phạm, giải quyết trách nhiệm dân sự, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP .B có văn bản số 7396/QĐ-VKSBBH kháng nghị phúc thẩm một phần bản án hình sự sơ thẩm số 451/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân TP .B theo hướng tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thu T với lý do mức án 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thu T chưa công bằng với hai bị cáo Lê Đức T h và bị cáo Lê Tuấn A và chưa phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thu T.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Quyết định kháng nghị và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp nhận kháng nghị một phần bản một phần bản án hình sự sơ thẩm số 451/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân TP .B theo hướng tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thu T.

- Bị cáo Nguyễn Thu T có ý kiến không đồng ý với việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP.B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng : Quyết định kháng nghị số 7396/QĐ-VKSBH ngày 07/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP .B làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung Quyết định kháng nghị số 7396/QĐ-VKSBH ngày 07/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP .B, Hội đồng xét xử xác định:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thu T khai nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã mô tả , phù hợp với các chứng cứ , tài liệu có tại hồ sơ; bị cáo không có ý kiến về tội danh đối với bị cáo và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt. Do đó, án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thu T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d (dùng thủ đoạn nguy hiểm), điểm g (phạm tội với người dưới 16 tuổi) khoản 2 (khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm) Điều 142 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã đánh giá:

- Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; trong vụ án này, các bị cáo không bàn bạc trước nhưng khi phát hiện người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản, rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Lê Đức Th tham gia cướp giật tài sản 04 (bốn) lần với giá trị tài sản cướp giật là 15.294.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thu T tham gia cướp giật tài sản 03 (ba) lần, với giá trị tài sản cướp giật là 5.925.000 đồng.

Bị cáo Hồ Tuấn A tham gia cướp giật tài sản 01 (một) lần với giá trị tài sản cướp giật là 9.369.000 đồng.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Bị cáo Lê Đức Th đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự ; bị cáo Nguyễn Thu T đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo là người đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm, theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cha bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo, anh bị cáo trí tuệ không bình thường, bị cáo có hai con còn nhỏ tuổi, được chính quyền địa phương xác nhận.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

- Xử phạt bị cáo : Lê Đức Th 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2019;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2019.

- Xử phạt bị cáo : Hồ Tuấn A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 11 năm 2019.

[2.4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP.B:

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP . B kháng nghị một phần bản án theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thu T với lý do: bị cáo tham gia 03 vụ cướp giật với tổng giá trị 5.925.000đ (trong đó có 01 lần phạm tội với người dưới 16 tuổi), bản thân có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mới chấp hành xong hình phạt vào ngày 13/4/2019. Bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung tại điểm d , g khoản 2 điều 171 BLHS, 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại các điểm g, h khoản 1 điều 52 BLHS và chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 BLHS. Việc cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T 03 năm 06 tháng tù là chưa bảo đảm tính công bằng với 02 bị cáo T h và Tuấn A , đồng thời không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T.

- Cấp sơ thẩm xác định (như trên đã phân tích) là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn (cha bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo, anh bị cáo trí tuệ không bình thường, bị cáo có hai con còn nhỏ tuổi, được Chính quyền địa phương xác nhận) theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là chưa tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo và chưa tương xứng với tính chất, hành vi của các đồng phạm khác trong cùng một vụ án. Ngoài ra, cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo , không áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự trong việc Quyết định hình phạt trong trường hợp có đồng phạm là chưa đầy đủ.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự . Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân TP.Biên Hòa, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thu T.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai được Hội đồng xét xử xem xét thể hiện quan điểm như trên đã phân tích..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP .Biên Hòa. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo : Nguyễn Thu T 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” . Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2019.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP.B;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.B;
- Công an TP.B;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Nhà tạm giữ CA.BH (2);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Đông